

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/07/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLI+BK16	7:25	16+6	0+0		11+11	0+0	
2		BK20+CLI	7:25	6+16	0+0		0+22	0+0	
3		TD3+BK14	7:25	15+7	0+0		13+9	0+0	
4		TD2	7:30	14	0		15	0	EC225
5		RCA+RCDM+MRM	9:25	1+2+15	0+0+0		2+3+17	0+0+0	Chuyen 3 RC4-RCDM
6		TD3+TD1	9:25	6+16	0+0		4+18	0+0	Chuyển 1 TD3-TD1
7		CTK3	9:25	22	0		22	0	
8		MRM+BK9+BK20	11:25	10+6+3	0+0+0		10+8+4	0+0+0	
9		BK16+BK14+CTK3	11:25	6+6+2	0+0+0		6+8+8	0+0+0	
10		TD2	11:30	9	0		15	0	EC225

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
l/ Đi về trong ngày: 1 người BK14, 4 người BK16



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 01/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1	TO: CLI - BK16	CREW: KHOAN - TTRUNG - HUY	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1	VNHS FLIGHT: TM26/2890		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN CÔNG LÂM	CLI	44-45	2	10			71	KH-THAC	Vietnamese
2	BÙI VIỆT PHƯƠNG	CLI	46	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN ĐOÀN	CLI	01	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
4	HUỖNH ANH BẢO	CLI	47	1	10			82	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC TIẾN	CLI	09	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
6	LƯU ĐÌNH LỰC	CLI	70	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
7	TRỊNH LÊ TUẤN	CLI	08	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC DŨNG	CLI	05	1	2			68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN THẨM	CLI	10	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC THẮNG	CLI	04	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ TIẾN OANH	CLI	03	1	5			67	YTE	Vietnamese
12	VŨ BÁ TRỊNH	CLI	42-43	2	11			77	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ TUẤN LINH	CLI	600	1	8			86	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ LAM ĐIỀN	CLI	06-07	2	8			74	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ XUÂN THƯỜNG	CLI	02	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ HỮU HÀ	CLI						74	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN KHANG	BK16	66-68	3	10	4	70	79	KH-THAC	Vietnamese
18	LƯƠNG XUÂN HÒA	BK16	06,10	2	16			91	PVD	Vietnamese
19	VŨ VĂN KHƯƠNG	BK16						73	НИПИ	Vietnamese
20	PHÍ MẠNH TÙNG	BK16						67	НИПИ	Vietnamese
21	PHÙNG THỊ MỸ ANH	BK16						60	D-HANH	Vietnamese
22	HOÀNG VĂN MINH	BK16	09	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLI	16	1.162	18	103	0	0	11		
2	BK16	6	446	6	30	4	70	11		
TOTAL		22	1.608	24	133	4	70	22		
WEIGHT KG			1.608		133		70			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỦY MAI

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
NGUYỄN THÀNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 01/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: VANG-1	TO: BK20 - CLI	CREW: HUNG - M.ĐỨC - THỤ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2	VNHS FLIGHT: TM26/2893		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN QUYẾT THẮNG	BK20	99,500	2	14			70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	BK20	28	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM CÔNG DUY	BK20	96	1	4	3	45	68	KH-THAC	Vietnamese
4	HOÀNG ĐÌNH QUANG	BK20	75	1	10			85	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN NGUYỄN MẠNH TƯỜNG	BK20	94-95	2	16			64	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ ANH TUẤN (21426)	BK20	97-98	2	16			78	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN QUANG HUNG	CLI	66	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN BÌNH	CLI	68	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
9	HOÀNG ĐÌNH HUÂN	CLI	62	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
10	BÙI MINH QUÂN	CLI	55	1	13			74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TẤN HẬU	CLI						65	KH-THAC	Vietnamese
12	HỒ TRUNG QUÂN	CLI	61	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG NAM	CLI	56-57	2	17			75	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÌNH THẾ ANH	CLI						76	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG MINH	CLI	60	1	7			85	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ XUÂN HUNG	CLI	63	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
17	TẠ THANH QUANG	CLI	69	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM ĐỨC TÀI	CLI	67	1	10			62	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH TIỆN	CLI	58	1	4			73	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN ANH TUẤN (1991)	CLI	59	1	4			66	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TUẤN	CLI	64	1	6			82	PSV	Vietnamese
22	BÙI NGỌC TÂN	CLI	65	1	2			62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK20	6	440	9	69	3	45	0		
2	CLI	16	1.140	15	86	0	0	22		
TOTAL		22	1.580	24	155	3	45	22		
WEIGHT KG			1.580		155		45			

GRAND TOAL: 1.780 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚY MAI

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 01/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
B.CARD: TRANG-1	TO: TD3 - BK14	CREW: DƯƠNG - N.ANH - DTÙNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/2896	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN SỸ TUẤN	TD3	80	1	16			69	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH BÌNH	TD3	68	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ SỸ HÙNG	TD3	74	1	6			67	KHOAN	Vietnamese
4	BÙI VĂN NGHĨA	TD3	69-70	2	10			77	KHOAN	Vietnamese
5	LƯU QUYẾT THẮNG	TD3						70	KHOAN	Vietnamese
6	NGÔ DUY THÀNH	TD3	75-76	2	8			70	KHOAN	Vietnamese
7	NGÔ VĂN BẮC	TD3	67	1	9			88	ANTOAN	Vietnamese
8	LA THÀNH	TD3	85	1	4	7	40	86	YTE	Vietnamese
9	TRẦN PHƯƠNG BẮC	TD3	83-84	2	14	1	18	59	ALPHANDT	Vietnamese
10	TRẦN NHẬT HẢO	TD3	77-79	3	17			66	ALPHANDT	Vietnamese
11	HUỖNH THIÊN TÂM	TD3	81	1	7			72	ALPHANDT	Vietnamese
12	LÊ NGỌC MẠNH	TD3	71	1	7			60	ALPHANDT	Vietnamese
13	PHAN THANH THIÊN CÁT	TD3	72	1	5			72	ALPHANDT	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT HÙNG	TD3	73	1	11			71	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM XUÂN HIẾU	TD3	82	1	3			63	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	BK14	90	1	11	2	25	83	KH-THAC	Vietnamese
17	CHÂU HÙNG HUY	BK14	88	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
18	VU DINH HUY	BK14	93	1	3			59	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐOÀN NGỌC VŨ LINH	BK14	87	1	3			70	DK9	Vietnamese
20	TRẦN NGUYỄN GIA KÍNH	BK14	86	1	6			79	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN LAM	BK14	91-92	2	14			69	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	BK14	89	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	15	1.058	19	122	8	58	13		
2	BK14	7	497	8	53	2	25	9		
TOTAL		22	1.555	27	175	10	83	22		
WEIGHT KG			1.555		175		83			

GRAND TOAL: 1.813 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỦY MAI

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 01/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:29
B.CARD: XANH-1	TO: TD2	CREW: HOÀI - XTRƯỜNG	ETA: 10:45
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/2888	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN XUÂN HẢI	TD2	32	1	2			86	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ TRUNG HIẾU	TD2	25	1	3	6	120	98	KHOAN	Vietnamese
3	DƯƠNG HẢI BẢNG	TD2	27	1	4			79	KHOAN	Vietnamese
4	HOÀNG XUÂN KIẾN	TD2	22	1	7			68	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN PHONG	TD2	30	1	3			64	KHOAN	Vietnamese
6	VÕ SĨ MINH TÂN	TD2	28	1	3			56	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TRƯỜNG	TD2	24	1	8			92	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM QUANG QUÝ	TD2	29	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	TD2	21	1	5			77	ANTOAN	Vietnamese
10	TRẦN QUANG VIỆT	TD2	34-35	2	10			76	MERMAID	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD2	26	1	7			78	KHOAN	Vietnamese
12	CAO ĐỨC VIỆN	TD2	20	1	3			62	KHOAN	Vietnamese
13	TRỊNH QUỐC KHÁNH	TD2	23	1	3			77	KHOAN	Vietnamese
14	ĐINH DUY HẢI	TD2	31	1	7			76	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	14	1.051	15	70	6	120	15		
TOTAL		14	1.051	15	70	6	120	15		
WEIGHT KG			1.051		70		120			

GRAND TOAL: 1.241 KGS

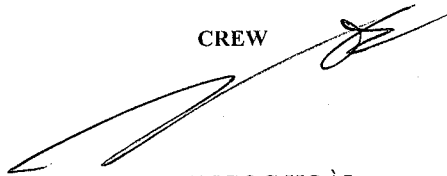
VSP REP.


NGUYỄN THỦY MAI

VNHS REP.


LẠI HỒNG DIỆP

CREW


PHẠM NGỌC HOÀI
HÀ XUÂN TRƯỜNG

☐
☐



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 01/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: RC4 - RCDM - MRM	CREW: HUNG - M.ĐỨC - THỤ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5	VNHS FLIGHT: TM26/2894		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	MAI VĂN TUÔNG	RC4	03	1	5	1	20	65	PSV	Vietnamese
2	PHẠM TIẾN DŨNG	RCDM	01	1	10	1	15	69	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH DANH	RCDM	95.600	2	13			56	CODIEN	Vietnamese
4	JARIN CHAITIT	MRM	94-95	2	16			72	HALLIBURTON	Thailand
5	MAI HẢI LONG	MRM	99	1	7			69	D-HANH	Vietnamese
6	NGUYỄN MẠNH HOAN	MRM	98	1	7			68	KHOAN	Vietnamese
7	CHIRKIN DANIIL	MRM	92-93	2	11			72	AMHGP	Russian
8	LÊ CÔNG KHANH	MRM	83	1	19			65	HALLIBURTON	Vietnamese
9	AGAIANS SERGEI	MRM	88-89	2	7			89	AMHGP	Russian
10	RULEV SEMEN	MRM	200	1	17			112	AMHGP	Russian
11	DROZDOV ANDREI	MRM	81	1	4			88	AMHGP	Russian
12	DIACHUK DMITRII	MRM	82	1	11			63	AMHGP	Russian
13	SENCHUROV VADIM	MRM	86-87	2	7			93	AMHGP	Russian
14	SUKHANOV EGOR	MRM	84	1	9			111	AMHGP	Russian
15	KHLEBNIKOV DMITRII	MRM	79-80	2	11			83	AMHGP	Russian
16	BORODIN ARTUR	MRM	85	1	10			93	AMHGP	Russian
17	SPIRIN VASILII	MRM	90-91	2	20			100	AMHGP	Russian
18	NIGMATZIANOV ILFAT	MRM	96-97	2	17			76	AMHGP	Russian
19	NGUYỄN VIỆT TRUNG	MRM	11	1	12			78	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC4	1	65	1	5	1	20	2	3	Chuyen 3 PAX RC4-RCDM
2	RCDM	2	125	3	23	1	15	3		
3	MRM	16	1.332	23	185	0	0	17		
TOTAL		19	1.522	27	213	2	35	22		
WEIGHT KG			1.522		213		35			

GRAND TOAL: 1.770 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚY MAI

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 01/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH -2	TO: TD3 - TD1	CREW: KHOÀN - TTRUNG - HUY	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 6	VNHS FLIGHT: TM26/2891		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ VĂN TUÂN	TD3	94-95	2	7			72	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ VĂN QUÂN	TD3	93	1	11			71	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN HOÀNG NHÂM	TD3	93	1	7			94	KHOAN	Vietnamese
4	HÀ KHƯƠNG DUY	TD3	91-92	2	18			67	KHOAN	Vietnamese
5	LƯU ĐÌNH MINH	TD3	96-97	2	20			83	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN ĐẠI	TD3	90	1	9			62	KHOAN	Vietnamese
7	TRỊNH HUY TOÀN	TD1	34	1	7			64	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN GIANG	TD1	37	1	3	2	38	65	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TUẤN ANH	TD1	28-29	2	13			58	KHOAN	Vietnamese
10	LƯU THIÊN ĐỨC	TD1	42	1	2			64	KHOAN	Vietnamese
11	HOÀNG TUẤN ANH	TD1	35-36	2	20			79	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN TRUNG THÀNH	TD1	38	1	12			63	KHOAN	Vietnamese
13	DƯƠNG MINH ĐỨC	TD1	32	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
14	BÙI VĂN THOẠI	TD1	40-41	2	10			68	YTE	Vietnamese
15	VŨ VĂN QUÝ	TD1	33	1	6			57	KHOAN	Vietnamese
16	THÁI ĐỨC TOÀN	TD1	27	1	2			58	KHOAN	Vietnamese
17	HỒ VĂN HẬU	TD1	43	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN THÀNH LUÂN	TD1	30	1	4			78	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN CHUÔNG	TD1	31	1	12			65	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU TRIẾT	TD1	39	1	8			70	DVL	Vietnamese
21	PHAN THANH TỊNH	TD1	44-45	2	20	3	32	65	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN CHUÔNG	TD1	26	1	6			63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	6	449	9	72	0	0	4	4	Chuyển 1 TD3-TD1
2	TD1	16	1.055	20	135	5	70	18		
TOTAL		22	1.504	29	207	5	70	22		
WEIGHT KG			1.504		207		70			

GRAND TOAL: 1.781 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUY MAI

VNHS REP.

NGUYEN THI KIEU THU

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 01/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
B.CARD: TRANG-2	TO: CTK3 - P4	CREW: DUONG - N.ANH - DTUNG	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 7	VNHS FLIGHT: TM26/2897		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BÙI KHẮC PHONG	CTK3	16	1	16			80	KH-THAC	Vietnamese
2	HÀ MINH GIANG	CTK3	07	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG HẢI	CTK3	09	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	CTK3	05-06	2	17			87	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU LƯU	CTK3	21	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN DÂN	CTK3	22	1	12			70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRẦN ĐỨC MINH	CTK3	10-11	2	21	4	75	76	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ĐỨC HẠNH	CTK3	08	1	8			82	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM XUÂN HÒA	CTK3	04	1	15			76	YTE	Vietnamese
10	CỦ XUÂN HUY	CTK3	29	1	9			60	HVJOC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG KIM	CTK3	02	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN DANH TUẤN	CTK3	19	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM ĐỨC KIỂM	CTK3	01	1	9			77	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN THUẬN	CTK3	03	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HOÀNG LÂM	CTK3	23-24	2	17			68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH CHIẾN	CTK3	13	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HUY HOÀNG	CTK3						84	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN SƠN HÀ	CTK3	18	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THÀNH DƯƠNG	CTK3	12	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM QUANG THÁI	CTK3	17	1	7			87	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ TRUNG KIẾN	CTK3	14-15	2	11			78	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG THIỆU THÀNH	CTK3	20	1	7			83	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	22	1.613	25	199	4	75	22		
2	P4	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	1.613	25	199	4	75	23		
WEIGHT KG			1.613		199		75			

GRAND TOAL: 1.887 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚY MAI

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 01/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: MRM - BK9 - BK20	CREW: KHOÀN - MTHAO - MQUÂN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/2892	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ILMENTEV ANDREI	MRM	55-56	2	15			57	AMHGP	Russian
2	MANUKIAN KAREN	MRM	59	1	5			106	AMHGP	Russian
3	POLIAKOV IGOR	MRM	57-58	2	10			83	AMHGP	Russian
4	LÂM VĂN TÍNH	MRM	12	1	10			48	AMHGP	Vietnamese
5	TRAN HUA TUAN	MRM	15-16	2	20			64	HALLIBURTON	Vietnamese
6	LÊ HOÀI THIÊN	MRM	13	1	15			76	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU VIỆT	MRM	14	1	14			61	DVL	Vietnamese
8	DƯƠNG BÁ VINH	MRM	49	1	12	1	12	97	DVL	Vietnamese
9	ANKUR PANDEY	MRM	53-54	2	17			73	SCHLUMBERGER	Indian
10	NGUYỄN VĂN THÔNG	MRM	51-52	2	18			60	SCHLUMBERGER	Vietnamese
11	CAO VĂN KHA KHA	BK9	74	1	4			82	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐAN QUÊ	BK9	72	1	13			76	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN NGỌC HIỆP	BK9	73	1	5	1	20	70	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ MINH THẮNG	BK9	75	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TUẤN	BK9	76	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN TIẾN CUỒNG	BK9	71	1	5			57	PSV	Vietnamese
17	ĐẶNG SỰ	BK20	96-97	2	17			77	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN THẮNG	BK20	94	1	9	1	15	65	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG TÂN NGHĨA	BK20	98	1	6			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	10	725	15	136	1	12	10		
2	BK9	6	421	6	36	1	20	8		
3	BK20	3	212	4	32	1	15	4		
TOTAL		19	1.358	25	204	3	47	22		
WEIGHT KG			1.358		204		47			

GRAND TOAL: 1.609 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚY MAI

VNHS REP.

LẠI HỒNG DIỆP

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 01/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: TRANG-3	TO: BK16 - BK14 - CTK3	CREW: HUNG - NPHU - TU	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM26/2895	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	MAI THANH TAI	BK16	28-29	2	9			68	PVD	Vietnamese
2	POLAD KHALILZADE	BK16	35	1	7	4	33	93	SNF	Azerbaijan
3	LÊ CÔNG THUẬN	BK16	34	1	8			79	PVD	Vietnamese
4	LẠI NGỌC BIỂU	BK16	30-31	2	11			57	PVD	Vietnamese
5	ĐOÀN DUY KHANH	BK16	32-33	2	15			75	PVD	Vietnamese
6	PHẠM HỒNG SƠN	BK14	400	1	11	1	20	71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC MINH	BK14	03	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN BÌNH	BK14	01	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ TRỌNG NGHĨA	BK14	96	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG ĐÌNH SÂM	BK14	99	1	7			83	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ MINH HUY	BK14	97-98	2	6			73	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	CTK3	88	1	4			48	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH HỒNG THẮNG	CTK3						65	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK16	5	372	8	50	4	33	6		
2	BK14	6	444	7	42	1	20	8		
3	CTK3	2	113	1	4	0	0	8 +		1 NB VỀ: TRẦN XUÂN PHÚC (Ghe' p
TOTAL		13	929	16	96	5	53	22		
WEIGHT KG			929		96		53			

GRAND TOAL: 1.078 KGS

VSP REP.

(Signature)

NGUYỄN THÚY MAI

VNHS REP.

(Signature)

ĐẶNG THUY ANH

CREW

(Signature)

LÊ QUÝ HUNG

ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 01/07/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 11:30
B.CARD: NAU-3	TO: TD2	CREW: NAM - XTRƯỜNG	ETA: 13:40
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM26/2889	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	QUÁCH VĂN CỪ	TD2	46	1	5	2	35	68	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ HỮU HẬU	TD2						65	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ HÙNG CUỒNG	TD2	47	1	6			97	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ TRƯỜNG LÂM	TD2	45	1	8			79	KHOAN	Vietnamese
5	NGÔ VĂN TRỌNG	TD2	50	1	10			59	DMC	Vietnamese
6	PHITSANUPHONG PHATTHANAKITPHU	TD2	53-54	2	17			61	DMC	Thailand
7	VŨ NGỌC TIẾN	TD2	48-49	2	14			73	DVL	Vietnamese
8	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	TD2	51-52	2	12			82	DVL	Vietnamese
9	LÊ KHẮC BẢO	TD2	44	1	4			65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	9	649	11	76	2	35	9		
TOTAL		9	649	11	76	2	35	13		
WEIGHT KG			649		76		35			

GRAND TOAL: 760 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚY MAI

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

TRẦN HỒNG NAM
HÀ XUÂN TRƯỜNG

